3.	Đường kính ngoài cuộn (mm)	Tối đa 235	Sử dụng thước đo thích hợp
4.	Số lượng nhãn/cuộn	5.000 nhãn ± 50 nhãn	Sử dụng cân điện tử có độ chính xác cao, cân tổng trọng lượng cuộn (không tính lõi) và trọng lượng của băng (khoảng 10 nhãn), trên cơ sở đó xác định được tổng nhãn/cuộn.
5.	Khổ rộng cuộn giấy (mm)	48 ± 1	Sử dụng thước đo thích hợp
6	Kích thước nhãn (Rộng x Dài) (mm)	45(± 0,5) x 45 (± 0,5)	Sử dụng thước đo thích hợp
7	Khoảng cách giữa 2 nhãn liên tiếp (mm)	3 ± 0,3	Sử dụng thước đo thích hợp

Ghi chú:

- Cuộn giấy in nhãn được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy.

- Số lượng cuộn được quy đổi ra số lượng nhãn.

5. Băng truyền mực in nhãn (lớp mực mặt trong):
Tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Đặc điểm	- Là loại băng mực dạng cuộn, sử dụng in theo phương pháp in truyền nhiệt qua cuộn băng mực (thermal transfer ribbon). Có khả năng truyền mực in từ băng mực lên giấy nhãn decan đồng đều. - Lớp mực ở mặt trong của băng truyền mực. - Chi tiết in trên bề mặt nhãn	Đánh giá sử dụng trên máy Cutpack

		decan phải bền màu, sắc nét, không bị phân hủy hoặc bị nhòe mực khi đi qua lò nhiệt (bền ở nhiệt độ từ $160^0C - 200\ ^0C$).	
2	Đường kính trong lõi cuộn (mm)	25 ± 1	Sử dụng thước đo thích hợp
3	Khổ rộng băng (mm)	60 ± 1	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Đường kính ngoài tối đa (mm)	80	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Chiều dài cuộn (m)	300 ± 3	Sử dụng cân điện tử có độ chính xác cao, cân tổng trọng lượng cuộn (không tính lõi) và trọng lượng của 1m dài, trên cơ sở đó xác định được tổng mét dài/cuộn.
6	Màu sắc của băng truyền mực	Màu đen	Nhìn bằng mắt thường

Ghi chú:

- Băng truyền mực in nhãn được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy.

- Số lượng cuộn được quy đổi ra mét dài.

XI. Cuộn giấy băng thếp cho máy bó tiền

Tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Đặc điểm	Mặt trong của giấy có phủ sẵn lớp keo nhiệt, có khả năng tự dính khi có tiếp xúc nhiệt và áp lực (khoảng nhiệt độ từ $100^0C \div 150^0C$)	Sử dụng thực tế trên thiết bị đóng băng thếp (đóng băng tập tiền 100 tờ) và đánh giá chất lượng đóng băng
2	Màu sắc của băng giấy	Màu trắng	Nhìn bằng mắt thường

3	Độ bền kéo	> 6,5 kg/băng rộng 15 mm	TAPPI 494 (Sử dụng máy đo độ bền kéo)
4	Đường kính trong của lõi cuộn (mm)	79 ± 2	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Đường kính ngoài của cuộn giấy băng thếp tối đa (mm)	162	Sử dụng thước đo thích hợp
6	Chiều dài của cuộn giấy băng thếp (mét/cuộn)	80 ± 8	Sử dụng thước đo thích hợp và cân điện tử
7	Khổ rộng băng giấy (mm)	19 ± 1	Sử dụng thước đo thích hợp
8	Độ dày của giấy băng thếp (mm)	0,12 ± 0,02	Sử dụng dụng cụ đo độ dày thích hợp

Ghi chú:

- Cuộn giấy băng thếp cho máy bó tiền được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy.

- Số lượng cuộn được quy đổi ra mét dài.

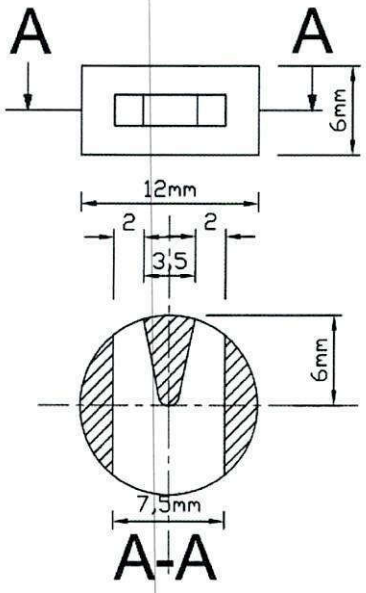
XII. Chì viên niêm phong

Tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/Tiêu chuẩn kiểm nghiệm tương đương
1.	Đường kính của chì viên (mm)	12 ± 1	Sử dụng thước thích hợp
2.	Khối lượng (g)	6 ± 10%	Sử dụng cân có độ chính xác cao
3.	Độ dày (mm)	6 ± 10%	Sử dụng thước đo thích hợp
4.	Vật liệu	Hợp kim chì	Theo thông số của Nhà sản xuất
5.	Yêu cầu khác	- Bề mặt của chì viên được gia công phẳng nhẵn. - Phù hợp cho việc kẹp niêm phong bao đựng sản phẩm.	- Cảm quan - Đưa vào sử dụng thử nghiệm tại đơn vị sản xuất của Nhà máy.

Ghi chú: Chì viên niêm phong được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy. Riêng tiêu chí kỹ thuật về vật liệu hiện Nhà máy không kiểm tra

được và sẽ lấy theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất. Có bản vẽ chỉ viên niêm phong kèm theo.



Bản vẽ chỉ viên niêm phong (đơn vị: mm)

XIII. Giấy in thử offset

1. Yêu cầu chung

Giấy in thử offset được sử dụng để in phù hợp trên các máy in offset đạt yêu cầu về nét in, độ bắt mực, độ bám mực, độ bai giãn sau in không vượt quá 1,5mm (trong điều kiện áp lực in tiêu chuẩn và nhiệt độ 22 ^{o}C ± 1,5^{o}C; độ ẩm 55% ± 5%).

2. Yêu cầu kỹ thuật:

2.1. Giấy in thử offset kích thước 790x1090 (mm):

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Kích thước	(790 x 1090) mm ± 3 mm	Sử dụng thước dài thích hợp
2	Thớ giấy	Song song với cạnh dài	TCVN 3651-81
3	Độ dày	82 µm ± 10%	Tappi T411
4	Định lượng	60 g/m^2 ± 10%	Tappi T410
5	Độ bền gấp trung bình hai chiều	≥ 35 lần	Tappi T423
6	Độ bền xé trung bình hai chiều	≥ 200 mN	Tappi T414

7	Độ thấu khí	≥ 20 ml/phút	TCVN 6891: 2001
8	Màu giấy	Màu trắng	Mắt thường
9	Yêu cầu khác	- Bề mặt giấy phẳng nhẵn, mịn, không bị nhăn, gấp, thủng rách, độ dày đồng đều ...; Giấy có màu sắc đồng đều trong cùng một lô hàng. Giấy không được có bụi. - Giấy có khả năng nhận mực in tốt.	- Đánh giá cảm quan - Đánh giá trên thiết bị thí nghiệm hoặc máy in

2.2 . Giấy in thử offset:

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Kích thước	(790 x 600) mm ± 3 mm và (790 x 630) mm ± 3 mm	Sử dụng thước dài thích hợp
2	Thớ giấy	Song song với cạnh ngắn	TCVN 3651-81
3	Độ dày	100 µm ± 10%	Tappi T411
4.	Định lượng	80 g/m^2 ± 10%	Tappi T410
5	Độ bền gấp trung bình hai chiều	≥ 35 lần	Tappi T423
6	Độ bền xé trung bình hai chiều	≥ 200 mN	Tappi T414
7	Độ thẩm thấu khí	≥ 20 ml/phút	ISO 5636-3:1992
8	Màu giấy	Màu trắng	Mắt thường
9	Yêu cầu khác	- Bề mặt giấy phẳng nhẵn, mịn, không bị nhăn, gấp, thủng rách, độ dày đồng đều ...; Giấy có màu sắc đồng đều trong cùng một lô hàng. Giấy không được có bụi. - Giấy có khả năng nhận mực in tốt.	- Đánh giá cảm quan - Đánh giá trên thiết bị thí nghiệm hoặc máy in

Ghi chú:

Giấy in thử offset được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy.

XIV. Giấy Kraft

Tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Kích thước	(1020 x 1600) mm ± 5mm và (570 x 1030) mm ± 15mm	Sử dụng thước dài
2	Độ dày	110 (-11/+20) µm	Tappi T411
3	Định lượng	75 (-7,5/+11) g/m^2	Tappi T410
4	Độ bền gấp trung bình hai chiều	≥ 1500 lần	Tappi T423
5	Độ bền xé trung bình hai chiều	≥ 500 mN	Tappi T414
6	Độ thấu khí	≥ 20 ml/phút	ISO 5636-3:1992
7	Màu giấy	Màu nâu vàng	Mắt thường
8	Yêu cầu khác	Có khả năng bám dính hồ tốt (hồ dán)	Dán thử đánh giá

Ghi chú:

Giấy Kraf được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy.

XV. Vải lau máy

1. Vải mỏng lau máy đã tẩy hồ

Tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu sợi	100% cotton chải kỹ	Lấy theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất.
2	Độ trắng ISO	75% ± 5%	

			(*)
3	Khổ vải	Tối thiểu 700 mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Mật độ sợi:		
	- Dọc	(7÷11) sợi/cm	Đếm số lượng sợi
	- Ngang	(7÷11) sợi/cm	
5	Yêu cầu khác	- Vải mỏng lau máy phải qua tẩy rũ hồ và tẩy nấu theo hệ thống lò cao áp.	Lấy theo tài liệu của nhà sản xuất. (*)
		- Vải mỏng lau máy đã tẩy hồ có độ thấm hút cao, được sử dụng phù hợp để lau máy in, lô in, mực in, vệ sinh công nghiệp… , không để lại sợi vải trên bề mặt vật cần lau chùi sau khi lau chùi, vệ sinh. - Vải mềm, sạch, không lẫn tạp chất cơ học ảnh hưởng đến quá trình vệ sinh, lau chùi, không bị ẩm ướt (độ ẩm không quá 60%). - Vải đảm bảo độ bền không bị mủn trong quá trình sử dụng.	Đánh giá quá trình vệ sinh, lau chùi trên các máy in.

Ghi chú:

Vải mỏng lau máy đã tẩy hồ được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy, riêng tiêu chí kỹ thuật về "vật liệu sợi" và "độ trắng" hiện Nhà máy không kiểm tra được và lấy theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất.

2. Vải lau máy cotton

Tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Kích thước mảnh vải	Tối thiểu (500x700) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
2	Mức độ thấm nước, dầu	Vải thấm hút được nước, dầu	Đánh giá khả năng thấm nước, dầu của vải

3	Đóng gói	Theo từng bó, mỗi bó 5kg ± 10%, mỗi bao đóng từ 5 đến 6 bó.	Đếm và cân từng bó
4	Yêu cầu khác	- Loại vải lau máy có chất liệu cotton, dùng để lau chùi cho các máy in, bản in, cao su, lô in trên các máy in, đảm bảo lau sạch bụi bẩn và dầu mỡ, mực in trên máy, thấm hút tốt và đảm bảo chất lượng. - Vải mềm, sạch, không có bụi bẩn và tạp chất.	Đánh giá quá trình lau chùi, vệ sinh trên máy in

Ghi chú:

Vải lau máy cotton được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy.

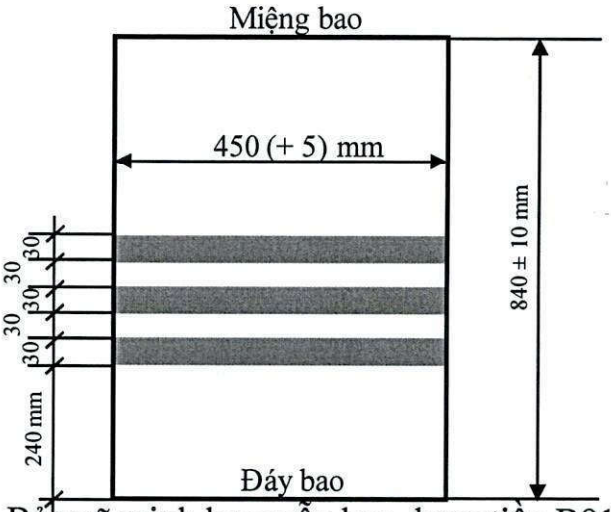
XVI. Bao vải đựng sản phẩm

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật

1.1. Bao vải đựng sản phẩm B91A (3 vạch vàng)

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan
2	Định lượng	≥ 130 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	450 (+ 5) mm x 840 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp

4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 03 vạch màu vàng, đường liền song song cách đều, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30(± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch dưới: 240 (± 3) mm; khoảng cách giữa 2 vạch liền nhau: 30 (± 1) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	



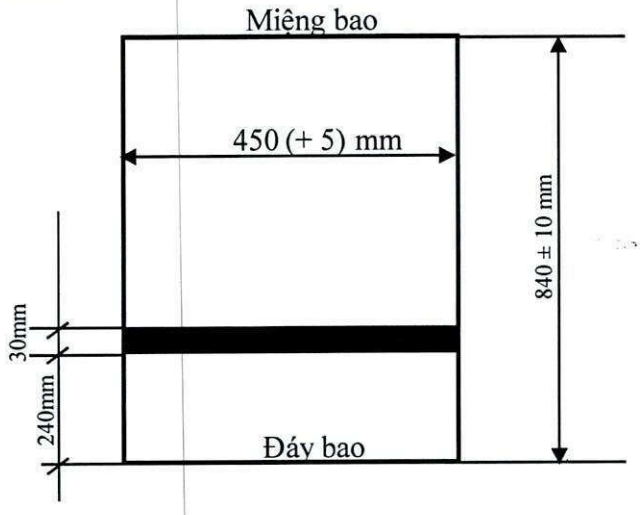
Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B91A

Lưu ý: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.2. Bao vải đựng sản phẩm B92 (1 vạch xanh)

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan
2	Định lượng	≥ 130 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện

			tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	450(+5) mm x 840 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 01 vạch màu xanh da trời, đường liền, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30(± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch dưới: 240 (± 3) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	



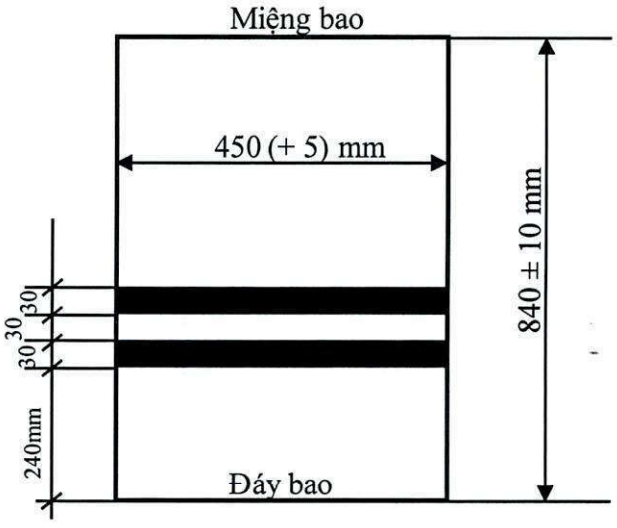
Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B92

Lưu ý: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.3. Bao vải đựng sản phẩm B93 (2 vạch xanh)

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan

2	Định lượng	≥ 130 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	450(+5) mm x 840 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Thco chiều ngang của bao: In 02 vạch màu xanh da trời, đường liền song song cách đều, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30 (± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch dưới: 240 (± 3) mm; khoảng cách giữa 2 vạch liền nhau: 30 (± 1) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	



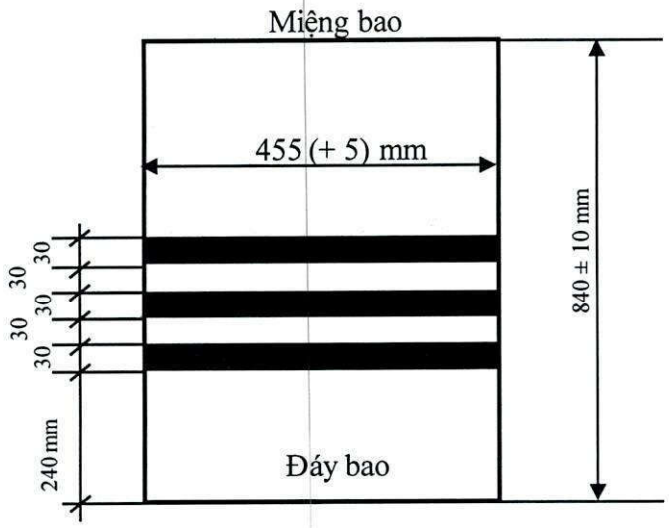
Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B93

Lưu ý: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.4. Bao vải đựng sản phẩm B94 (3 vạch Xanh)

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm

			(hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan
2	Định lượng	≥ 130 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	455 (+ 5) mm x 840 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 03 vạch màu Xanh da trời, đường liền song song cách đều, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30 (± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch dưới: 240 (± 3) mm; khoảng cách giữa 2 vạch liền nhau: 30 (± 1) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	

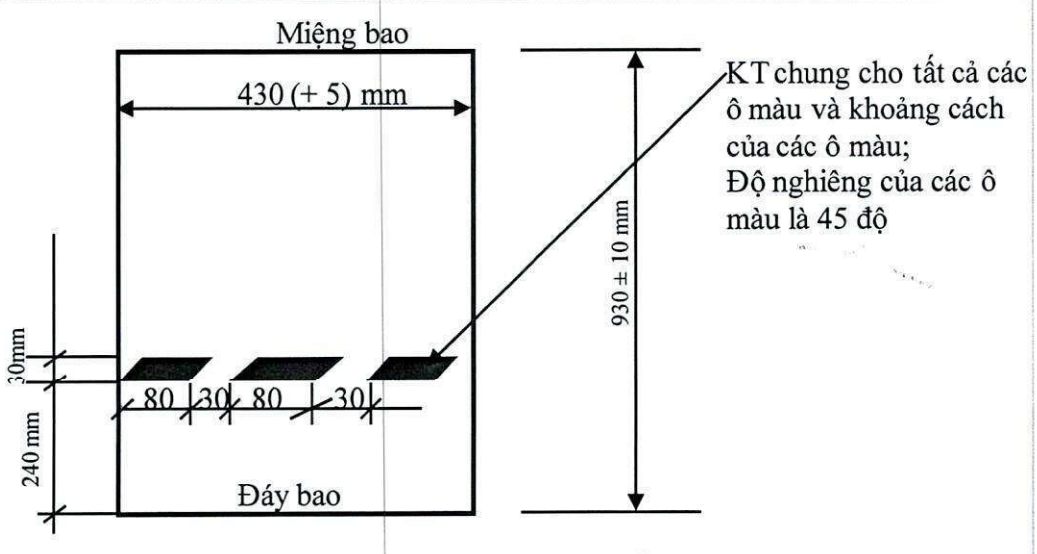


Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B94

<u>Lưu ý</u>: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.5. Bao vải B04 (1 vạch đỏ):

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan
2	Định lượng	≥ 130 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	430 (+ 5) mm x 930 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 01 vạch màu đỏ, nét đứt, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30 (± 1) mm; - Độ dài nét đứt: 80 (± 2) mm; khoảng cách giữa 2 nét đứt: 30 (± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch: 240 (± 3) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	



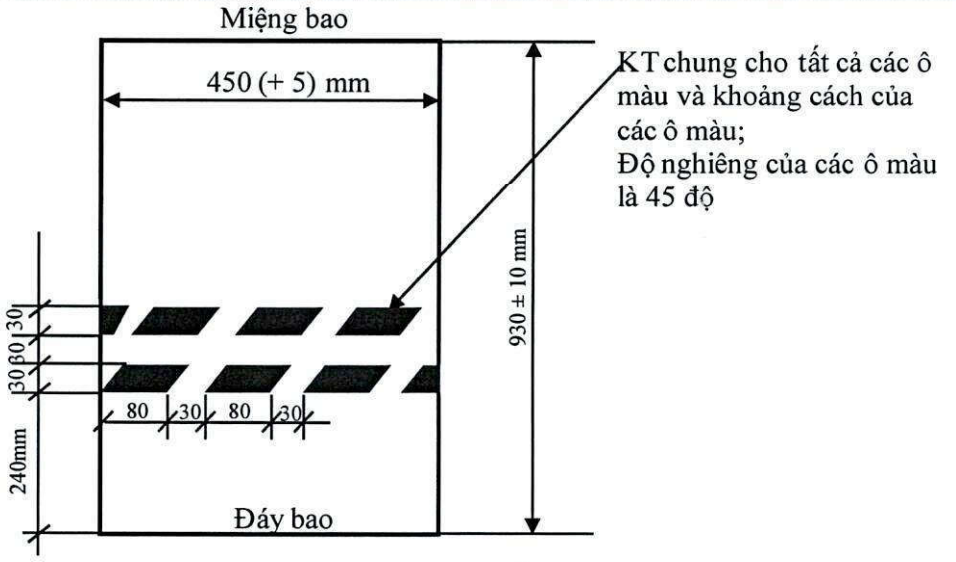
Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B04

Lưu ý: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.6. Bao vải đựng sản phẩm B05 (2 vạch Đỏ)

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan
2	Định lượng	≥ 130 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	450 (+ 5) mm x 930 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 02 vạch màu Đỏ, nét đứt song song cách đều, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30 (± 1) mm; - Độ dài nét đứt: 80 (± 2) mm; khoảng cách giữa 2 nét đứt: 30 (± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch dưới: 240 (± 3) mm; khoảng cách giữa 2 vạch: 30 (± 1) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp

5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	



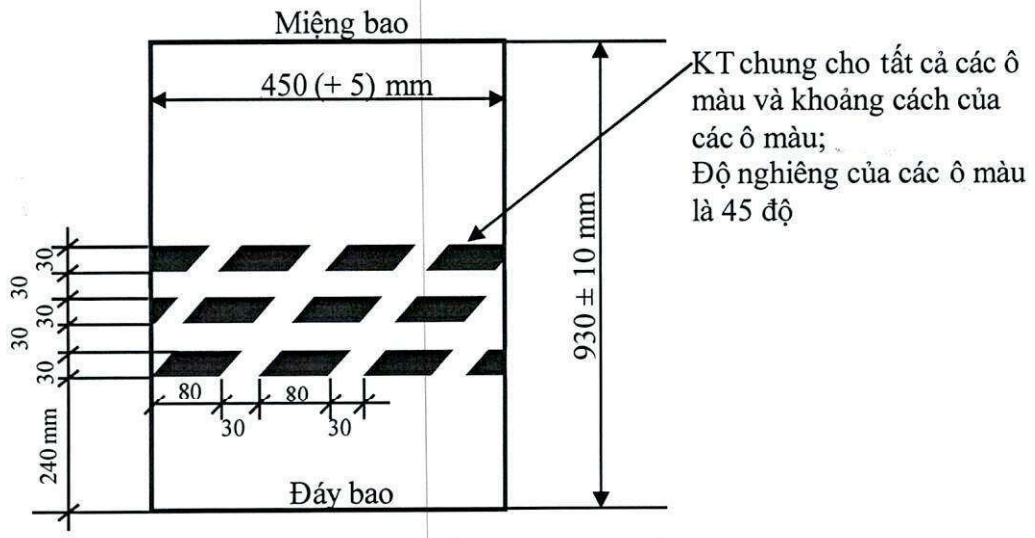
Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B05

Lưu ý: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.7. Bao vải đựng sản phẩm B06 (3 vạch Đỏ)

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan
2	Định lượng	≥ 170 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	450 (+ 5) mm x 930 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 03 vạch màu Đỏ, nét đứt song song cách đều, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ	Sử dụng thước đo thích hợp

		rộng của vạch: 30 (± 1) mm; - Độ dài nét đứt: 80 (± 2) mm; khoảng cách giữa 2 nét đứt: 30 (± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch dưới: 240 (± 3) mm; khoảng cách giữa các vạch: 30 (± 1) mm.	
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	



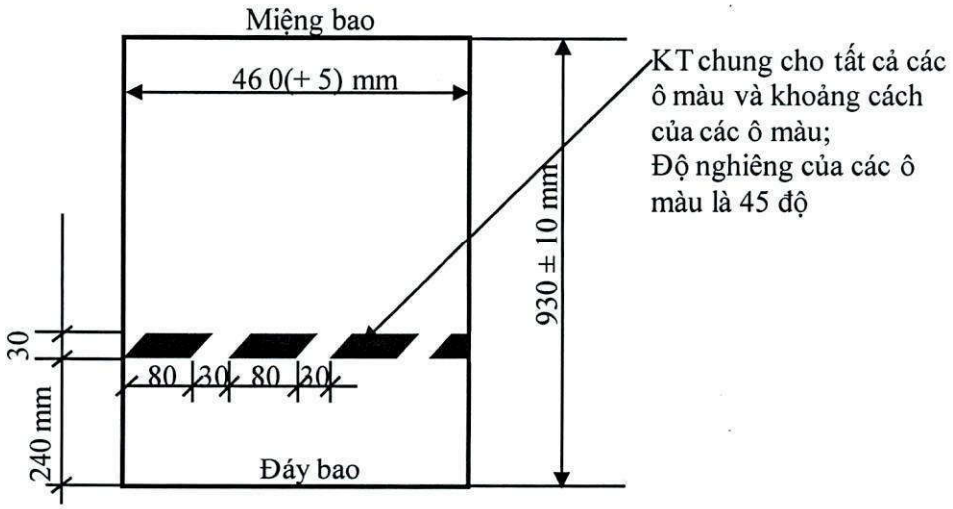
Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B06

<u>Lưu ý:</u> Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.8. Bao vải B07 (1 vạch đen):

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan

2	Định lượng	≥ 170 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	460 (+ 5) mm x 930 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 01 vạch màu đen, nét đứt, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30 (± 1) mm; - Độ dài nét đứt: 80 (± 2) mm; khoảng cách giữa 2 nét đứt: 30 (± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch: 240 (± 3) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	

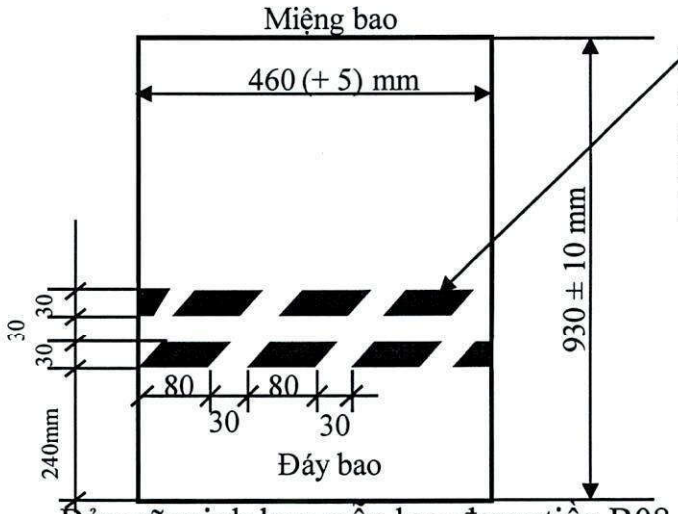


Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B07

Lưu ý: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.9. Bao vải đựng sản phẩm B08 (2 vạch Đen)

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan
2	Định lượng	≥ 170 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	460 (+ 5) mm x 930 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 02 vạch màu đen, nét đứt song song cách đều, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30 (± 1) mm; - Độ dài nét đứt: 80 (± 2) mm; khoảng cách giữa 2 nét đứt: 30 (± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch: 240 (± 3) mm; khoảng cách giữa các vạch: 30 (± 1) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản.	Đánh giá đóng thử sản phẩm
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	



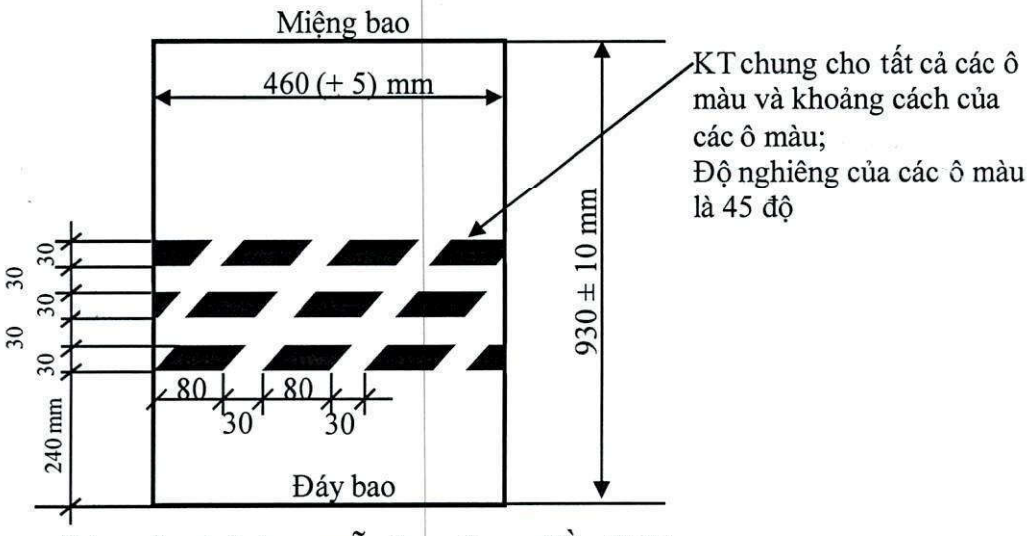
Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B08

Lưu ý: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

1.10. Bao vải đựng sản phẩm B09 (3 vạch Đen)

STT	Thông số kỹ thuật	Giá trị tiêu chuẩn	Phương pháp/ Tiêu chuẩn kiểm nghiệm (hoặc tương đương)
1	Vật liệu	Cotton	Cảm quan
2	Định lượng	≥ 170 g/m^2	Tính toán dựa vào khối lượng và diện tích bao vải
3	Kích thước bao vải (kích thước trong lòng bao tính từ đường chỉ may bao)	460 (+ 5) mm x 930 (± 10) mm	Sử dụng thước đo thích hợp
4	Quy cách	- Theo chiều ngang của bao: In 03 vạch màu đen, nét đứt song song cách đều, không bị nhoè mực (chi tiết theo bản vẽ thiết kế). Độ rộng của vạch: 30 (± 1) mm; -Độ dài nét đứt: 80 (± 2) mm; khoảng cách giữa 2 nét đứt: 30 (± 1) mm; - Khoảng cách từ đáy bao tới mép dưới của vạch dưới: 240 (± 3) mm; khoảng cách giữa 2 vạch liền nhau: 30 (± 1) mm.	Sử dụng thước đo thích hợp
5	Tải trọng	Chịu được tải trọng 20kg không bị bục trong quá trình đóng gói,	Đánh giá đóng thử sản phẩm

		vận chuyển và bảo quản.	
6	Mẫu bao	Kèm theo mẫu bao và đính kèm hình vẽ	



Bản vẽ minh họa mẫu bao đựng tiền B09

Lưu ý: Các kích thước trên bản vẽ được hiểu là kích thước trong lòng bao

Ghi chú:

Bao vải đựng sản phẩm được kiểm nghiệm tất cả các tiêu chí kỹ thuật nêu trên tại Nhà máy.